Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3670 /TTr-UBND	*Điện Biên, ngày 10 tháng 11 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 46/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên; số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025 và phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022, tỉnh Điện Biên; số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; số 105/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về việc thông qua kế hoạch vốn ĐTPT nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 CTMTQG trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Sau khi báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét về việc điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Điện Biên như sau:

A. Điều chỉnh nguồn vốn Ngân sách địa phương

I. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025

1. Điều chỉnh tổng nguồn

1.1. Tổng số vốn đã giao: Tổng vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022: 7.123.595 triệu đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSĐP: 3.734.700 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 3.219.795 triệu đồng.
- Vốn số số kiến thiết: 168.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 1.100 triệu đồng.

1.2. Số vốn điều chỉnh giảm: 78.800 triệu đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng: 320.500 triệu đồng từ nguồn thu đấu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh quản lý (do chưa được đưa vào cân đối bố trí trong kế hoạch theo Nghị quyết phê duyệt của HĐND).

- Điều chỉnh giảm: 399.300 triệu đồng do nguồn sử dụng đất trên địa bàn xã, phường, thị trấn từ năm 2022 theo phân cấp tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 thuộc ngân sách cấp huyện quản lý (đã bố trí trong kế hoạch theo Nghị quyết của HĐND tỉnh).

1.3. Tổng nguồn vốn sau điều chỉnh: 7.044.795 triệu đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSĐP: 3.734.700 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 3.140.995 triệu đồng.

- Vốn sổ số kiến thiết: 168.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 1.100 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 1 kèm theo)

2. Điều chỉnh và phân bổ chi tiết kế hoạch trung hạn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:

2.1. Điều chỉnh tổng nguồn thu đấu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh

- Tổng nguồn đã giao: 2.766.045 triệu đồng.

- Kế hoạch bổ sung: 320.500 triệu đồng.

- Kế hoạch sau điều chỉnh: 3.086.545 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 1,2 kèm theo)

2.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn

- Kế hoạch đã giao: 453.750 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm: 399.300 triệu đồng. Do thực hiện phân cấp thu chi theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh.

- Kế hoạch sau điều chỉnh: 54.450 triệu đồng (bằng số đã thực hiện năm 2021).

(Chi tiết như Biểu số 1 kèm theo)

2.3. Điều chỉnh để xử lý phần hụt thu từ nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn đã đưa vào phân bổ chi tiết:

- Tổng số vốn còn hụt nguồn so với Kế hoạch trung hạn đã phân bổ chi tiết là: 110.710 triệu đồng.

- Thực hiện cắt giảm số đã phân bổ chi tiết: 110.710 triệu đồng, gồm:

+ Giảm 23.640 triệu đồng phần vốn trung hạn còn lại chưa giao chi tiết (tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 của HĐND tỉnh).

+ Giảm 87.070 triệu đồng của 02 dự án (thực hiện chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030).

(Chi tiết như Biểu số 3 kèm theo)

2.4. Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung từ nguồn thu đấu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh: Tổng số vốn là 320.500 triệu đồng cho 05 dự án, gồm:

+ Dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2: 89.000 triệu đồng[1].

+ Dự án Nhà khách tỉnh Điện Biên: 60.000 triệu đồng.

+ Dự án Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên: 145.000 triệu đồng.

+ 02 dự án để xây dựng trụ sở làm việc Công an các xã biên giới là 26.500 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 2 kèm theo)

3. Điều chỉnh, phân bổ chi tiết vốn đầu tư XDCB trong cân đối ngân sách địa phương, vốn xổ số kiến thiết

3.1. Nội dung điều chỉnh

a) Nguyên tắc điều chỉnh: Điều chỉnh giảm vốn của các dự án không còn nhu cầu sử dụng để bổ sung (điều chỉnh tăng) cho các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn; bổ sung các dự án theo chủ trương của tỉnh nhưng chưa đưa vào kế hoạch trung hạn và bố trí vốn đối ứng cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Việc điều chỉnh tăng, giảm giữa các dự án không làm thay đổi tổng nguồn vốn XCDB trong cân đối NSĐP trong kế hoạch trung hạn đã được phê duyệt.

b) Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh giảm 57.803 triệu đồng kế hoạch trung hạn của 04 dự án.

- Điều chỉnh tăng 57.803 triệu đồng, bao gồm: Tăng kế hoạch trung hạn cho 04 dự án 22.203 triệu đồng. Đối ứng Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới 35.600 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 4 kèm theo)

3.2. Phân bổ nguồn vốn dự phòng NSĐP (10%):

- Nguồn vốn dự phòng (10%) chưa phân bổ chi tiết là 30.964 triệu đồng[2].

- Phân bổ 24.600 triệu đồng cho 02 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Nguồn dự phòng còn lại 6.364 triệu đồng để xử lý những vấn đề cấp bách, phát sinh khác trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch trung hạn.

(Chi tiết như Biểu số 5 kèm theo)

---

[1]Nguồn vốn được phê duyệt tại Quyết định số 3180/QĐ-UBND 06/12/2021 của UBND tỉnh.

[2] Tại Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 02/4/2022.

3.3. Phân bổ vốn Xổ số kiến thiết thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới:

- Vốn Xổ số kiến thiết thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới chưa phân bổ chi tiết: 13.800 triệu đồng[3].

- Dự kiến phân bổ: 13.000 triệu đồng cho Thành phố Điện Biên Phủ phấn đấu hoàn thành xây dựng nông thôn mới (thực hiện 03 dự án).

- Phần vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết: 800 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 6 kèm theo)

II. Điều chỉnh kế hoạch năm 2022 và kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn giao năm 2022

a) Nguyên tắc điều chỉnh:

- Điều chỉnh cắt, giảm vốn của các dự án hết nhu cầu sử dụng vốn; các dự án chậm giải ngân, chưa đảm bảo tiến độ giải ngân theo yêu cầu[4] để bổ sung cho các dự án có tỷ lệ giải ngân cao, đáp ứng yêu cầu của tỉnh và có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn trong những tháng còn lại của năm 2022.

- Thứ tự ưu tiên bố trí vốn điều chỉnh: (1) Điều chỉnh trong nội bộ giữa các dự án thuộc cùng ngành, lĩnh vực; (2) Các dự án cần bổ sung vốn để thực hiện công tác GPMB; (3) Các dự án giải ngân hết kế hoạch vốn đã giao đầu năm và có khả năng giải ngân ngay kế hoạch vốn bổ sung (theo cam kết của Chủ đầu tư).

- Việc điều chỉnh tăng, giảm giữa các dự án không làm thay đổi tổng nguồn vốn đã được giao năm 2022. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền giao.

b) Nội dung điều chỉnh:

- Vốn NSĐP cấp tỉnh quản lý:

+ Điều chỉnh giảm 43.790 triệu đồng của 14 dự án.

+ Điều chỉnh tăng 43.790 triệu đồng cho 26 dự án.

- Vốn Xổ số kiến thiết:

+ Điều chỉnh giảm 10.350 triệu đồng kế hoạch vốn của 05 dự án,

+ Điều chỉnh tăng 10.350 triệu đồng cho 03 dự án.

(Chi tiết như Biểu số 7 kèm theo)

2. Điều chỉnh vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022

a) Nguyên tắc điều chỉnh:

- Thực hiện điều chỉnh cắt giảm vốn của các dự án hết nhu cầu sử dụng để bổ sung cho các dự án chưa được bố trí đủ vốn thực hiện công tác GPMB.

---

[3] Năm 2021 đã giao 3.000trđ cho huyện Điện Biên tại Quyết định số 650/QĐ-UBND 4/5/2021 của UBND tỉnh.

[4] Đến 30/9 các dự án khởi công mới giải ngân dưới 75%; các dự án chuyển tiếp giải ngân dưới 100%.

- Việc điều chỉnh tăng, giảm giữa các dự án không làm thay đổi tổng nguồn vốn năm 2021 kéo dài sang năm 2022 được HĐND thông qua. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền giao.

b) Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh giảm 19.123 triệu đồng của 02 dự án, gồm: 13.151 triệu đồng của Dự án Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên và 5.972 triệu đồng của Dự án Xây dựng điểm TĐC số III (bổ sung Điểm TĐC C13 mở rộng) dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên.

- Điều chỉnh tăng 19.123 triệu đồng cho dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2 *(để hoàn ứng ngân sách địa phương).*

(Chi tiết như Biểu số 8 kèm theo)

B. Nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia

1. Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

a) Nguyên tắc điều chỉnh:

- Điều chỉnh giảm các dự án với số vốn thực tế sau khi phê duyệt thấp hơn nhu cầu vốn đầu tư dự kiến, các dự án bị cắt giảm do điều chuyển sang nguồn vốn khác. Ưu tiên điều chuyển trong nội bộ đơn vị được phân bổ vốn, trong phạm vi số vốn được chia theo tiêu chí, định mức của từng đơn vị.

- Trường hợp đơn vị có số vốn giảm mà không có đề xuất tăng hoặc số tăng thấp hơn số giảm, số vốn còn lại sẽ được điều chuyển sang đơn vị khác có nhu cầu, ưu tiên đơn vị thuộc cùng Tiểu dự án.

- Tổng số vốn điều chỉnh tăng bằng tổng số vốn điều chỉnh giảm.

b) Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh giảm 46.059 triệu đồng, trong đó:

+ Giảm do tổng mức đầu tư được phê duyệt giảm so với số vốn dự kiến của 03 dự án là 8.155 triệu đồng.

+ Giảm nguồn vốn thuộc Tiểu dự án 1, chuyển sang đầu tư bằng toàn bộ hoặc lồng ghép vốn của Tiểu dự án 2 là 02 dự án là 37.904 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng 46.059 triệu đồng, trong đó:

+ Tăng 23.919 triệu đồng cho 04 dự án so với Nghị quyết HĐND tỉnh phê duyệt.

+ Bổ sung 02 danh mục dự án mới với số vốn là 19.000 triệu đồng.

+ Số vốn chưa phân bổ là 3.140 triệu đồng (do đơn vị chưa đề xuất danh mục dự án).

- Điều chỉnh tên dự án cho phù hợp với nội dung đầu tư thực tế: 01 dự án.

(Chi tiết như Biểu số 9 kèm theo)

Trên đây là nội dung Tờ trình điều chỉnh, bổ sung và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và

năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh uỷ b/c;
- TT HĐND tỉnh b/c;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

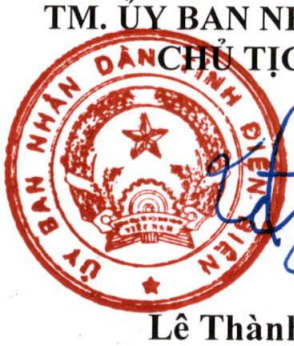

Lê Thành Đô

Biểu số 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ	**19.065.387**	**320.500**	**399.300**	**18.986.587**	
I	**Vốn ngân sách địa phương**	**7.123.595**	**320.500**	**399.300**	**7.044.795**	
1	**Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSĐP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg), trong đó:**	**3.734.700**	**0**	**0**	**3.734.700**	
1.1	Phân bổ chi tiết 90% (trong đó: Dành 30% bổ sung NS cấp huyện quản lý; 70% thuộc NS cấp tỉnh quản lý)	3.361.230	0	0	3.361.230	
1.2	Dự phòng 10%	373.470	0	0	373.470	
2	**Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất**	**3.219.795**	**320.500**	**399.300**	**3.140.995**	
1	Thu từ đấu giá đất và tài sản trên đất thuộc ngân sách tỉnh theo NQ 26/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	2.766.045	320.500	0	3.086.545	Phân bổ, điều chỉnh chi tiết tại Biểu số 2
2	Thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016	453.750	0	399.300	54.450	Số vốn đã bố trí năm 2021. Từ năm 2022 trở đi thực hiện theo NQ số 07/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
	Trong đó:					

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
2.1	*Chi đầu tư ngân sách cấp tỉnh trong CĐNSĐP*	*204.188*	*0*	*176.963*	*27.225*	Xử lý phần hụt thu (176.963trđ) đã đưa vào phân bổ chi tiết cho các dự án cấp tỉnh Tại Biểu số 3.
2.2	*Chi cấp bổ sung vốn cho Quỹ phát triển đất*	*204.188*	*0*	*176.963*	*27.225*	
2.3	*Chi thực hiện nhiệm vụ theo quy định khác*	*45.374*	*0*	*45.374*	*0*	
3	**Vốn xổ số kiến thiết**	**168.000**	**0**	**0**	**168.000**	
4	**Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSĐP**	**1.100**	**0**	**0**	**1.100**	
II	**Vốn Ngân sách trung ương**	**7.602.955**	**0**	**0**	**7.602.955**	
1	Vốn trong nước	6.789.720			6.789.720	
2	Vốn nước ngoài	813.235			813.235	
III	**Vốn Chương trình MTQG**	**4.338.837**	**0**	**0**	**4.338.837**	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.530.902			2.530.902	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.434.515			1.434.515	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	373.420			373.420	

Biểu số 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN BỐ TRÍ TỪ NGUỒN ĐẤU GIÁ ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT THUỘC NGÂN SÁCH CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương hoặc Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 (đã giao tại NQ số 88/NQ-HĐND)		Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn thu từ đấu giá đất	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn thu từ đấu giá đất	Dự kiến vốn thu từ đấu giá đất từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	**TỔNG SỐ**		**4.169.500**	**3.382.221**	**510.223**	**221.838**	**3.281.448**	**2.766.045**	**320.500**	**0**	**3.651.948**	**3.086.545**	**139.000**	**954.045**	**869.500**	**984.000**	**140.000**	
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tửu)	1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 2051/QĐ-UBND 12/11/2021; 1386/QĐ-UBND 11/8/2022	550.000	90.883	288.385		254.286	30.883			254.286	30.883		30.883				
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	799/QĐ-UBND 14/8/2020	1.100.000	1.100.000	100.000	100.000	1.000.000	855.000		0	1.000.000	855.000	139.000	716.000				
3	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	106/QĐ-UBND 13/02/2017; 3407/QĐ-UBND 31/12/2021	310.000	121.838	121.838	121.838	188.162	188.162			188.162	188.162		188.162				Năm 2022 đã giao chi tiết 71.691 trđ tại QĐ số 224/QĐ-UBND 8/2/2022; 497/QĐ-UBND 14/3/2022
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông nội thị Khu vực Trung tâm chính trị hành chính tỉnh Điện Biên	83/NQ-HĐND 02/4/2022	200.000	200.000			200.000	200.000			200.000	200.000		5.000	195.000			
5	Xây dựng các tòa nhà trụ sở Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND - UBND tỉnh	84/NQ-HĐND 02/4/2022	702.000	702.000			702.000	702.000			702.000	702.000		7.000	295.000	400.000		
6	Xây dựng khối nhà các cơ quan, sở ban ngành đoàn thể và Mặt trận tổ quốc tỉnh	85/NQ-HĐND 02/4/2022	790.000	790.000			790.000	790.000			790.000	790.000		7.000	323.000	460.000		
7	Dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	146.000			57.000		89.000		146.000	89.000			20.000	69.000		57.000 bố trí từ nguồn cân đối NSĐP
8	Nhà khách tỉnh Điện Biên		150.000	60.000			90.000		60.000		150.000	60.000					60.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương hoặc Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 (đã giao tại NQ số 88/NQ-HĐND)		Điều chỉnh		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh							Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn thu từ đấu giá đất	Tăng	Giảm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn thu từ đấu giá đất	Dự kiến vốn thu từ đấu giá đất từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP									Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
9	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng trung tâm thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	18/NQ-HĐND 29/6/2021	195.000	145.000					145.000		195.000	145.000			30.000	45.000	70.000	
10	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2045/QĐ-UBND 08/11/2022	13.000	13.000					13.000		13.000	13.000			3.000	5.000	5.000	
11	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Nậm Pồ, Mường Chà, tỉnh Điện Biên	2044/QĐ-UBND 08/11/2022	13.500	13.500					13.500		13.500	13.500			3.500	5.000	5.000	

Biểu số 3

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN VỐN NSĐP GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐỂ XỬ LÝ HỤT THU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ ĐƯA VÀO PHÂN BỔ CHI TIẾT TRONG TRUNG HẠN

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 NSĐP đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 NSĐP sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tăng	Giảm		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP					
A	**Tổng số vốn còn hụt nguồn so với Kế hoạch đã phân bổ chi tiết tại NQ46**				**110.710**				Cách tính: A=I-II
I	Nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn (theo Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 19/12/2016) đã đưa vào Kế hoạch để phân bổ chi tiết cho các dự án cấp tỉnh quản lý tại NQ số 46/NQ-HĐND 29/9/2021				204.188				
II	Kế hoạch vốn đã bố trí để phân bổ chi tiết				93.478				
1	*Nguồn thu sử dụng đất trên địa bàn phường, thị trấn năm 2021*				*27.225*				
2	*Dự phòng (10%) của kế hoạch năm 2022 đã đưa vào phân bổ cho các dự án cấp tỉnh quản lý*				*66.253*				
B	**Chi tiết cắt giảm KH trung hạn để bù lại phần hụt nguồn**				**127.244**	**0**	**110.710**	**16.534**	
1	Phần vốn trung hạn chưa giao chi tiết				23.640		23.640	0	
2	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sen Thượng - Pa Ma - Lò San Chái, huyện Mường Nhé	38/NQ-HĐND 22/8/2021	115.000	115.000	83.604		70.070	13.534	Thực hiện chuyển tiếp sang GĐ 26-30
3	Nâng cấp đường giao thông QL6 - bản Xà Phình 1+2, xã Sá Tổng, huyện Mường Chà	1746/QĐ-UBND 27/9/2021	20.000	20.000	20.000		17.000	3.000	Thực hiện chuyển tiếp sang GĐ 26-30

Biểu số 4

CHI TIẾT DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương hoặc Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn ngân sách địa phương 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 vốn NSĐP sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã giao năm 2021	Đã giao năm 2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ		**597.779**	**510.367**	**249.197**	**206.517**	**7.080**	**57.803**	**57.803**	**249.197**	
I	**Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW**				**80**		**80**	**80**	**80**	**80**	
1	Đường Rạng Đông - Ta Ma				80		80		80		Điều chỉnh do nhầm tên danh mục khi lập KH trung hạn
2	Dự án trung tâm đào tạo cộng đồng huyện Tuần Giáo							80		80	
II	**Các dự án trọng điểm của tỉnh**		**407.992**	**407.992**	**213.517**	**206.517**	**7.000**		**22.123**	**191.394**	
I)	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***		***407.992***	***407.992***	***213.517***	***206.517***	***7.000***		***22.123***	***191.394***	
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1084/QĐ-UBND 29/10/2019	260.000	260.000	142.849	135.849	7.000		16.151	126.698	Hết nhu cầu. Điều chỉnh KH vốn năm 2021 kéo dài và năm 2022
2	Xây dựng điểm TĐC số III (bổ sung Điểm TĐC C13 mở rộng) dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1083/QĐ-UBND 29/10/2019	147.992	147.992	70.668	70.668			5.972	64.696	Hết nhu cầu. Điều chỉnh KH vốn năm 2021 kéo dài
III	**Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội**		**18.000**	**18.000**				**17.652**		**17.652**	
I)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***		***18.000***	***18.000***				***17.652***		***17.652***	
1	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	2043/QĐ-UBND 07/11/2022	14.000	14.000				13.800		13.800	
2	Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2003/QĐ-UBND 01/11/2022	4.000	4.000				3.852		3.852	
IV	**Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế**		**86.984**	**48.775**	**35.600**			**4.471**	**35.600**	**4.471**	
IV.1	**Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**		**86.984**	**48.775**	**35.600**			**4.471**	**35.600**	**4.471**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương hoặc Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn ngân sách địa phương 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 vốn NSĐP sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tăng	Giảm		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã giao năm 2021	Đã giao năm 2022				
1)	***Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025***		***47.184***	***8.975***				***4.471***		***4.471***	
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét ĐBKK các bản Suối Lư I,II,III đến định cư tại khu vực bãi Huổi Po, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông	151/QĐ-UBND 14/2/2015; 914QĐ-UBND 10/9/2020	47.184	8.975				4.471		4.471	Bố trí để thanh toán dứt điểm, quyết toán công trình
2)	***Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025***		***39.800***	***39.800***	***35.600***	-	-	-	***35.600***	-	
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Nậm Cọ, huyện Điện Biên	Số 862/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	39.800	39.800	35.600				35.600		
V	**Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật**		**84.803**	**35.600**	-	-	-	**35.600**	-	**35.600**	
V.1	**Đối ứng, lồng ghép Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới**		**84.803**	**35.600**	-	-	-	**35.600**	-	**35.600**	
1)	***Phân bổ vốn cho huyện phấn đấu hoàn thành xây dựng Nông thôn mới (Huyện Điện Biên)***		***84.803***	***35.600***				***35.600***		***35.600***	***Các dự án được phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện thủ tục***
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Hẹt - Sam Mứn huyện Điện Biên		16.000	4.800							
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL 12 vào xã Thanh Chăn - Thanh Yên huyện Điện Biên		17.703	5.311							
3	Kiên cố kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tân xã Noong Hẹt đến bản Na Vai, xã Pom Lót, huyện Điện Biên		15.500	4.650							
4	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Nậm Cọ, huyện Điện Biên		35.600	20.839							

Biểu số 5

PHÂN BỔ CHI TIẾT DỰ PHÒNG (10%) KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 vốn NSĐP dự phòng (10%)						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Chi tiết vốn từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Năm 2021	Năm 2022	Dự kiến Năm 2023	Dự kiến Năm 2024	Dự kiến Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				**373.470**	**66.253**	**66.253**	**76.000**	**80.500**	**79.464**	
1	Dự phòng đã trích lập và giao thực hiện các năm 2021, 2022				132.506	66.253	66.253	0	0	0	
2	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm hành chính chính trị tỉnh Điện Biên	82/NQ-HĐND 02/4/2022	210.000	210.000	210.000			71.400	72.500	61.100	Đã giao tại NQ88
3	Dự án: Trụ sở Ban quản lý Di tích tỉnh Điện Biên	982/QĐ-UBND 30/5/2022	14.600	14.600	14.600			4.600	5.000	5.000	
4	Dự án: Trụ sở Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Điện Biên Phủ	983/QĐ-UBND 30/5/2022	10.000	10.000	10.000				3.000	7.000	
5	Dự phòng còn lại chưa phân bổ				6.364					6.364	

Biểu số 6

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THUỘC CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 vốn XSKT						Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Chi tiết vốn từng năm					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Năm 2021	Năm 2022	Dự kiến Năm 2023	Dự kiến Năm 2024	Dự kiến Năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				**16.800**	**3.000**	**0**	**7.100**	**3.500**	**3.200**	
1	Số vốn đã giao thực hiện năm 2021, 2022				3.000	3.000					Năm 2021 giao tại 650/QĐ-UBND 4/5/2021
2	Phân bổ vốn cho huyện phấn đấu hoàn thành xây dựng Nông thôn mới (TP Điện Biên Phủ)		13.000	13.000	13.000	0	0	7.100	3.500	2.400	
-	*Đường giao thông bản kéo, xã Pá Khoang, TP ĐBP*		*3.550*	*3.550*	*3.550*			*3.000*	*550*		
-	*Đường giao thông bản Hả, Xã Pá Khoang, TP ĐBP*		*4.500*	*4.500*	*4.500*			*4.100*	*400*		
-	*Đường giao thông bản Bó, Xã Pá khoang, TP ĐBP*		*4.950*	*4.950*	*4.950*				*2.550*	*2.400*	
3	Số vốn còn lại chưa phân bổ				800					800	

Biểu số 7

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022					Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSĐP	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Giải ngân đến 30/9/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/9/2022	Giải ngân đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ		**1.723.499**	**1.092.961**	**270.640**	**172.562**	**64%**	**185.530**	**69%**	**54.140**	**54.140**	**270.640**	
I	**NSĐP cấp tỉnh quản lý**		**1.548.239**	**947.369**	**249.512**	**165.510**	**66%**	**177.731**	**71%**	**43.790**	**43.790**	**249.512**	
I.1	**Thu hồi vốn đã tạm ứng NSTW**				**80**					**80**	**80**	**80**	
1	Đường Rạng Đông - Ta Ma				80						80		Dự án bị nhầm tên khi lập KH trung hạn
2	Dự án trung tâm đào tạo cộng đồng huyện Tuần Giáo									80		80	
I.2	**Các dự án trọng điểm**		**260.000**	**260.000**	**7.000**	**1.156**	**17%**	**1.156**	**17%**		**3.000**	**4.000**	
(1)	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022***		***260.000***	***260.000***	***7.000***	***1.156***	***17%***	***1.156***	***17%***		***3.000***	***4.000***	
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1084/QĐ-UBND 29/10/2019	260.000	260.000	7.000	1.156	17%	1.156	17%		3.000	4.000	Hết nhu cầu
I.3	**Phân theo ngành/lĩnh vực**		**1.288.239**	**687.369**	**242.432**	**164.354**	**68%**	**176.574**	**73%**	**43.710**	**40.710**	**245.432**	
1	**Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng**		**51.351**	**16.351**	**3.794**	**3.058**	**81%**	**3.057**	**81%**	**1.000**	**307**	**4.487**	
(1)	***Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021***		***46.351***	***11.351***	***794***	***466***	***59%***	***466***	***59%***		***307***	***487***	
1	Đường ra biên giới Na Cô Sa - Mốc A6	1043/QĐ-UBND 10/10/2011	46.351	11.351	794	466	59%	466	59%		307	487	Hết nhu cầu
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***5.000***	***5.000***	***3.000***	***2.592***	***86%***	***2.592***	***86%***	***1.000***		***4.000***	
1	Sửa chữa nhà khách; nhà ở, làm việc Chỉ huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh	3039/QĐ-UBND 23/11/2021	5.000	5.000	3.000	2.592	86%	2.592	86%	1.000		4.000	
2	**Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp**		**137.190**	**111.903**	**48.000**	**47.908**	**100%**	**47.908**	**100%**	**19.500**		**67.500**	
(1)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022***		***109.290***	***84.003***	***42.000***	***42.000***	***100%***	***42.000***	***100%***	***12.000***		***54.000***	
1	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP	633/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	5.000	5.000	100%	5.000	100%	1.000		6.000	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP	576/QĐ-UBND 19/4/2021	13.000	11.500	5.000	5.000	100%	5.000	100%	2.000		7.000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022					Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSĐP	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Giải ngân đến 30/9/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/9/2022	Giải ngân đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP	597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	5.000	5.000	100%	5.000	100%	2.000		7.000	
4	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP	616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	7.000	7.000	100%	7.000	100%	2.000		9.000	
5	Nâng cấp trường PTDTBT THCS Leng Su Sin xã Leng Su Sin	1515/QĐ-UBND 31/12/2020; 434/QĐ-UBND 31/3/2021	17.990	11.990	8.000	8.000	100%	8.000	100%	1.000		9.000	
6	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	6.000	6.000	100%	6.000	100%	2.000		8.000	
7	Trường Trung học cơ sở huyện Nậm Pồ	1117/QĐ-UBND 24/6/2021	18.000	11.501	6.000	6.000	100%	6.000	100%	2.000		8.000	
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***27.900***	***27.900***	***6.000***	***5.908***	***98%***	***5.908***	***98%***	***7.500***		***13.500***	
1	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	2.000	2.000	100%	2.000	100%	2.000		4.000	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, TP ĐBP	1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	2.000	1.952	98%	1.952	98%	2.000		4.000	
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa	3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	2.000	1.955	98%	1.955	98%	3.500		5.500	
3	**Ngành/lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình**		**24.850**	**24.850**	**9.700**	**4.928**	**51%**	**5.203**	**54%**	**2.000**	**4.000**	**7.700**	
(1)	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022***		***14.850***	***14.850***	***7.700***	***2.928***	***38%***	***3.203***	***42%***		***4.000***	***3.700***	
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CĐ Y tế Điện Biên	1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	7.700	2.928	38%	3.203	42%		4.000	3.700	GN không đạt yêu cầu
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***10.000***	***10.000***	***2.000***	***2.000***	***100%***	***2.000***	***100%***	***2.000***		***4.000***	
1	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà	1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	2.000	2.000	100%	2.000	100%	2.000		4.000	
4	**Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin**		**220.680**	**39.119**	**14.688**	**14.578**	**99%**	**14.578**	**99%**		**110**	**14.578**	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022					Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSĐP	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Giải ngân đến 30/9/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/9/2022	Giải ngân đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(1)	***Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021***		***220.680***	***39.119***	***14.688***	***14.578***	***99%***	***14.578***	***99%***		***110***	***14.578***	
1	Dự án bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ giai đoạn II tỉnh ĐB	903 QĐ-UBND 8/9/2011, 280/QĐ-UBND 10/3/2021	220.680	39.119	14.688	14.578	99%	14.578	99%		110	14.578	Hết nhu cầu
5	**Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn**		**16.900**	**10.000**	**10.000**	**2.641**	**26%**	**2.641**	**26%**		**1.000**	**9.000**	
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***16.900***	***10.000***	***10.000***	***2.641***	***26%***	***2.641***	***26%***		***1.000***	***9.000***	
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh	3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	10.000	2.641	26%	2.641	26%		1.000	9.000	GN không đạt yêu cầu
6	**Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế**		**756.618**	**411.396**	**133.374**	**68.510**	**51%**	**80.318**	**60%**	**13.010**	**35.293**	**111.091**	
6.1	**Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**		**395.516**	**210.616**	**74.174**	**31.231**	**42%**	**36.872**	**50%**		**24.850**	**49.324**	
(1)	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022***		***122.500***	***110.500***	***67.674***	***31.076***	***46%***	***36.717***	***54%***		***18.600***	***49.074***	
1	Thủy lợi Nậm Pố xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)	1119/QĐ-UBND 30/10/2019	60.000	60.000	38.174	23.078	60%	28.147	74%		4.000	34.174	GN không đạt yêu cầu
2	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	1003/QĐ-UBND 03/8/2016; 37/QĐ-UBND 10/01/2018	62.500	50.500	29.500	7.999	27%	8.570	29%		14.600	14.900	GN không đạt yêu cầu
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***273.016***	***100.116***	***6.500***	***155***	***2%***	***155***	***2%***		***6.250***	***250***	
1	Công trình thuỷ lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thuỷ lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	6.500	155	2%	155	2%		6.250	250	GN không đạt yêu cầu
6.2	**Giao thông**		**177.500**	**36.700**	**24.573**	**18.927**	**77%**	**18.927**	**77%**	**3.500**	**4.561**	**23.512**	
(1)	***Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021***		***105.000***	***10.500***	***9.773***	***7.688***	***79%***	***7.688***	***79%***		***1.000***	***8.773***	
1	Đường nội thị giai đoạn I (trục 42m), huyện Mường Ảng	702/QĐ-UBND 27/7/2011; 413/QĐ-UBND 04/6/2014	105.000	10.500	9.773	7.688	79%	7.688	79%		1.000	8.773	Hết nhu cầu
(2)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022***		***72.500***	***26.200***	***14.800***	***11.239***	*76%*	***11.239***	*76%*	***3.500***	***3.561***	***14.739***	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022					Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSĐP	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Giải ngân đến 30/9/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/9/2022	Giải ngân đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hô Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	3.000	3.000	100%	3.000	100%	2.000		5.000	
2	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hô Nậm Cản, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.800	239	6%	239	6%		3.561	239	GN không đạt yêu cầu
3	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà	33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	8.000	8.000	100%	8.000	100%	1.500		9.500	
6.3	**Cấp thoát nước**		**14.500**	**14.500**	**2.500**	**2.500**	**100%**	**2.500**	**100%**	**2.000**		**4.500**	
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***14.500***	***14.500***	***2.500***	***2.500***	***100%***	***2.500***	***100%***	***2.000***		***4.500***	
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	2.500	2.500	100%	2.500	100%	2.000		4.500	
6.4	**Du lịch**		**77.142**	**75.580**	**12.077**	**9.683**	**80%**	**9.683**	**80%**	**2.010**	**1.742**	**12.345**	
(1)	***Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022***		***64.142***	***62.580***	***9.500***	***7.154***	***75%***	***7.154***	***75%***		***1.742***	***7.758***	
1	Đường dạo leo núi khu du lịch Pa Khoang	301 06/4/2011; 545/QĐ-UBND 05/7/2018; 568/QĐ-UBND 16/6/2020	64.142	62.580	9.500	7.154	75%	7.154	75%		1.742	7.758	Hết nhu cầu
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***13.000***	***13.000***	***2.577***	***2.529***	98%	***2.529***	98%	***2.010***		***4.587***	
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ	3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	2.577	2.529	98%	2.529	98%	2.010		4.587	
6.5	**Công nghệ thông tin**		**22.460**	**22.460**	**12.550**	**419**	**3%**	**6.586**	**52%**		**3.640**	**8.910**	
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***22.460***	***22.460***	***12.550***	***419***	***3%***	***6.586***	***52%***		***3.640***	***8.910***	
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	3052/QĐ-UBND 25/11/2021	22.460	22.460	12.550	419	3%	6.586	52%		3.640	8.910	GN không đạt yêu cầu
6.6	**Quy hoạch**		**9.700**	**9.700**	**500**						**500**		
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***9.700***	***9.700***	***500***						***500***		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022					Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSĐP	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Giải ngân đến 30/9/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/9/2022	Giải ngân đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ		9.700	9.700	500						500		Dự án chưa thực hiện được
6.7	**Công trình công cộng tại các đô thị**		**59.800**	**41.840**	**7.000**	**5.750**	**82%**	**5.750**	**82%**	**5.500**		**12.500**	
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***59.800***	***41.840***	***7.000***	***5.750***	***82%***	***5.750***	***82%***	***5.500***		***12.500***	
1	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tốc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	5.000	3.750	75%	3.750	75%	3.500		8.500	
2	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn 1)	3135/QĐ-UBND 29/11/2021	20.000	10.000	2.000	2.000	100%	2.000	100%	2.000		4.000	
7	**Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN**		**54.150**	**47.250**	**20.876**	**20.732**	**99%**	**20.870**	**100%**	**6.000**		**26.876**	
(1)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022***		***27.200***	***20.300***	***13.876***	***13.876***	***100%***	***13.876***	***100%***	***3.000***		***16.876***	
1	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP	629/QĐ-UBND 28/4/2021	9.200	7.700	4.000	4.000	100%	4.000	100%	1.000		5.000	
2	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1103/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	5.000	5.000	100%	5.000	100%	1.000		6.000	
3	Trụ sở xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	1102/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	4.876	4.876	100%	4.876	100%	1.000		5.876	
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***26.950***	***26.950***	***7.000***	***6.856***	***98%***	***6.994***	***100%***	***3.000***		***10.000***	
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh	1826/QĐ-UBND 07/10/2021	14.950	14.950	3.000	2.862	95%	3.000	100%	2.000		5.000	
2	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	3071/QĐ-UBND 29/11/2021	12.000	12.000	4.000	3.994	100%	3.994	100%	1.000		5.000	
8	**Ngành/lĩnh vực: Xã hội**		**9.500**	**9.500**	**2.000**	**2.000**	**100%**	**2.000**	**100%**	**2.000**		**4.000**	
(1)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***9.500***	***9.500***	***2.000***	***2.000***	***100%***	***2.000***	***100%***	***2.000***		***4.000***	
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	2.000	2.000	100%	2.000	100%	2.000		4.000	
9	**Vốn Chuẩn bị đầu tư**		**17.000**	**17.000**						**200**		**200**	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022					Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSĐP	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Giải ngân đến 30/9/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/9/2022	Giải ngân đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	'Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	3152/QĐ-UBND 02/12/2021	17.000	17.000						200		200	
II	**Vốn xổ số kiến thiết**		**175.260**	**145.592**	**21.128**	**7.052**	**33%**	**7.799**	**37%**	**10.350**	**10.350**	**21.128**	
II.1	**Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp**		**164.260**	**134.592**	**15.715**	**5.471**	**35%**	**6.218**	**40%**	**7.350**	**6.600**	**16.465**	
(1)	***Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022***		***121.810***	***95.989***	***3.967***						***2.652***	***1.315***	
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	3.967						2.652	1.315	GN không đạt yêu cầu
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***24.000***	***24.000***	***8.000***	***5.471***	***68%***	***6.218***	***78%***	***7.350***	***200***	***15.150***	
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	3.000	2.900	97%	2.900	97%	5.000		8.000	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quài Tở, huyện Tuần Giáo	2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	2.000	1.786	89%	1.786	89%	2.350		4.350	
3	Xây dựng Nhà thực hành nghề phi nông nghiệp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên	2050/QĐ-UBND 12/11/2021	3.000	3.000	3.000	785	26%	1.532	51%		200	2.800	Hết nhu cầu
(3)	***Chuẩn bị đầu tư***		***18.450***	***14.603***	***3.748***						***3.748***		
1	Trại thí nghiệm thực hành Trường CĐ KTKT Điện Biên		18.450	14.603	3.748						3.748		Dự án chưa thực hiện được
II.2	**Ngành/lĩnh vực: Y tế**		**11.000**	**11.000**	**1.813**	**1.581**	**87%**	**1.581**	**87%**	**3.000**	**150**	**4.663**	
(1)	***Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021***		***4.500***	***4.500***	***813***	***581***	***71%***	***581***	***71%***		***150***	***663***	
1	Trạm y tế Phình Sáng	1076/QĐ-UBND 29/10/2019	4.500	4.500	813	581	71%	581	71%		150	663	Hết nhu cầu
(2)	***Các dự án khởi công mới năm 2022***		***6.500***	***6.500***	***1.000***	***1.000***	***100%***	***1.000***	***100%***	***3.000***		***4.000***	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022					Điều chỉnh		Kế hoạch vốn NSĐP năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn NSĐP	Kế hoạch năm 2022 đã giao	Giải ngân đến 30/9/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 30/9/2022	Giải ngân đến 31/10/2022	Tỷ lệ giải ngân đến 31/10/2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên	2090/QĐUBND 18/11/2021	6.500	6.500	1.000	1.000	100%	1.000	100%	3.000		4.000	
II.3	**Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới**				**3.600**						**3.600**		Chưa có danh mục dự án để phân bổ chi tiết thực hiện trong năm 2022

Biểu số 8

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021 KÉO DÀI SANG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022	Điều chỉnh		Kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tăng	Giảm		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP					
	TỔNG SỐ		**553.992**	**464.992**	**27.597**	**19.123**	**19.123**	**27.597**	
1	Xây dựng điểm TĐC số I dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1084/QĐ-UBND 29/10/2019	260.000	260.000	14.307,99		13.151	1.157	
2	Xây dựng điểm TĐC số III (bổ sung Điểm TĐC C13 mở rộng) dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên	1083/QĐ-UBND 29/10/2019	147.992	147.992	13.288,78		5.972	7.317	
3	Dự án Xây dựng Thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	57.000		19.123		19.123	Bố trí hoàn ứng ngân sách phần GPMB

Biểu số 9

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐTPT NGUỒN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Tờ trình số 3670 /TTr-UBND ngày 10 /11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn GNBV	Tổng số	Tr.đó: Đã giao năm 2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ		**197.168**	**157.168**	**212.768**	**117.010**	**46.059**	**46.059**	**212.768**	
A	**ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**		**9.183**	**9.183**	**12.322**	**5.290**	**3.140**	**3.140**	**12.322**	
	Tiểu DA3: Hỗ trợ việc làm bền vững									
	Sở Lao động-TBXH		**9.183**	**9.183**	**12.322**	**5.290**	**3.140**	**3.140**	**12.322**	
1	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên	1407/QĐ-UBND 13/8/2022	9.182,67	9.182,67	12.322	5.290		3.140	9.182	Phê duyệt giảm TMĐT
2	Vốn chưa phân bổ				-		3.140		3.140	chưa có nội dung đề xuất
B	**ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN**		**187.985**	**147.985**	**200.446**	**111.720**	**42.919**	**42.919**	**200.446**	
	Dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư PTHT KTXH các huyện nghèo)									
I	**Huyện Mường Ảng**		**74.000**	**34.000**	**48.096**	**20.352**	**10.904**	**10.904**	**48.096**	
1	Trường mầm non Hoa Hồng, thị trấn Mường Ảng	1410/QĐ-UBND 13/8/2022	34.000	34.000	23.096	7.852	10.904		34.000	Bố trí gọn 1 nguồn Tiểu DA 1
2	Đường liên xã Mường Đăng - Ngối Cáy (từ bản Chan I đi Chan II, xã Mường Đăng đi Chan III, xã Ngối Cáy)	1411/QĐ-UBND 13/8/2022	40.000		25.000	12.500		10.904	14.096	LG vốn Tiểu dự án 2 (DA1) 25.904 trđ
II	**Huyện Tủa Chùa**		**14.990**	**14.990**	**29.000**	**28.990**	**10**	**10**	**29.000**	
1	Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	1867/QĐ-UBND 10/8/2022	14.990	14.990	15.000	14.990		10	14.990	Huyện TC đã phê duyệt TMĐT dự án <15 tỷ đồng
2	Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đun				14.000	14.000	10		14.010	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: Vốn GNBV	Tổng số	Tr.đó: Đã giao năm 2022	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
III	**Huyện Tuần Giáo**		**79.000**	**79.000**	**79.000**	**47.378**	**27.000**	**27.000**	**79.000**	
1	Trung tâm văn hóa huyện Tuần Giáo	1427/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	65.000	65.000	52.000	38.689	13.000		65.000	Bố trí dứt điểm một nguồn Tiểu DA 1
2	Đường liên xã Quài Cang - Tỏa Tình				27.000	8.689		27.000	-	Hủy bỏ danh mục, chuyển sang sử dụng vốn của Tiểu DA2
3	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Mùn Chung		14.000	14.000	0	0	14.000		14.000	Bổ sung DMDA để sử dụng hết NV giảm từ DA Đường liên xã Quài Cang – Tỏa Tình
IV	**Huyện Mường Nhé**		**19.995**	**19.995**	**44.350**	**15.000**	**5.005**	**5.005**	**44.350**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Chung Chải số 2	820/QĐ-UBND 11/8/2022	14.995	14.995	15.000	10.000		5	14.995	Huyện MN đã phê duyệt TMĐT dự án <15 tỷ đồng
2	Trường phổ thông DTBT tiểu học Quảng Lâm, xã Quảng Lâm				19.350	-	5		19.355	Điều chỉnh tên dự án: "Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Quảng Lâm"
2	Kè bảo vệ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Mường Nhé (Chiều dài 350m)	825/QĐ-UBND 11/8/2022	5.000	5.000	10.000	5.000		5.000	5.000	Phê duyệt giảm TMĐT
3	Sửa chữa, nâng cấp Trường mầm non Huổi Lếch, xã Huổi Lếch				-	-	5.000		5.000	Bổ sung DMDA để sử dụng hết NV giảm từ DA Kè bảo vệ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Mường Nhé